

# Trung Quốc công bố dự thảo về tiêu chuẩn phát thải chất độc hại trong thảm, đệm lót thảm, keo dán thảm trải sàn và sàn PVC

Ngày 27/8/2024, Ủy ban về Rào cản Kỹ thuật trong Thương mại công bố dự thảo tiêu chuẩn bắt buộc (GB) của Cục Quản lý thị trường Nhà nước Trung Quốc (Cục Tiêu chuẩn hóa Trung Quốc) đối với vật liệu trang trí và cải tạo nội thất – Giới hạn các chất độc hại trong thảm, lớp lót thảm, chất kết dính và sàn polyvinyl clorua. Quy định này được áp dụng đối với các sản phẩm có mã HS 391810 và HS 57.

Dự thảo quy định các giới hạn phát thải và phương pháp thử nghiệm đối với các chất có hại phát ra từ thảm, lớp lót thảm và keo dán thảm, cũng như các giới hạn đối với các chất có hại trong sàn polyvinyl clorua (PVC), áp dụng cho thảm, lớp lót thảm và keo dán thảm mới sản xuất hoặc chưa sử dụng; dự thảo cũng đề cập đến việc sản xuất, kiểm soát chất lượng, sử dụng và tiêu thụ sàn polyvinyl clorua (PVC).

Ngày dự kiến có hiệu lực: 24 tháng sau khi quy định được phê duyệt.

Thời gian nhận góp ý: 60 ngày kể từ ngày thông báo

Quy định dự kiến sẽ thay thế các tiêu chuẩn GB 18587-2001 và GB 18586-2001.

*Yêu cầu về giới hạn phát thải các chất có hại trong thảm, lớp đệm thảm và chất kết dính dùng để lát thảm theo dự thảo như sau:*

- Giới hạn phát thải các chất có hại trong thảm phải tuân thủ quy định tại bảng 1:

**Bảng 1: Yêu cầu giới hạn phát thải đối với các chất có hại trong thảm**

*ĐVT:  $\mu\text{g} / \text{m}^2 / \text{h}$*

Mục kiểm tra	Mã số đăng ký	Giới hạn cho phép
Formaldehyde	50-00-0	$\leq 50$
Styrene	100-42-5	$\leq 400$
4-Phenylcyclohexene	4994-16-5	$\leq 50$
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC)	-	$\leq 500$

- Giới hạn phát thải các chất có hại trong thảm trải sàn thực hiện theo quy định tại bảng 2.

**Bảng 2: Yêu cầu về giới hạn phát thải các chất có hại từ tấm lót thảm**

*ĐVT:  $\mu\text{g} / \text{m}^2 / \text{h}$*

Mục kiểm tra	Mã số đăng ký	Giới hạn cho phép
Formaldehyde	50-00-0	≤50
(butylated hydroxytoluene	100-42-5	≤30
4-Phenylcyclohexene	4994-16-5	≤50
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC)	-	≤1000

- Chất kết dính được sử dụng trong quá trình trải thảm phải đáp ứng các yêu cầu về giới hạn giải phóng chất độc hại trong bảng 3.

**Bảng 3: Yêu cầu về giới hạn giải phóng các chất độc hại từ chất kết dính dùng trong thảm trải (ĐVT:  $\mu\text{g}/\text{m}^2/\text{h}$ )**

Mục kiểm tra	Mã số đăng ký	Giới hạn cho phép
Formaldehyde	50-00-0	≤50
2-ethyl-1-hexanol	100-42-5	≤3000
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC)	-	≤10.000

- Yêu cầu về giới hạn chất độc hại đối với sàn PVC:

Giá trị giới hạn của các chất độc hại trong sản phẩm phải tuân thủ quy định tại Bảng 4.

**Bảng 4: Giá trị giới hạn các chất độc hại trong sàn PVC**

Tên chỉ số		Giới hạn cho phép
Hàm lượng monome vinyl clorua, mg/kg		≤5
chất hữu cơ dễ bay hơi TVOC (72h), mg/(m <sup>2</sup> /h)		≤0,5
Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (TVOC)		≤1000
Hàm lượng kim loại nặng, mg/kg	Chì	≤1000
	Cadimi	≤100
	Crom	≤1000
	Thủy ngân	≤1000
Lượng phthalate, mg/kg	Dibutyl phtalat (DBP)	≤1000
	Butylbenzyl phtalat (BBP)	
	2-ethylhexyl phtalat (DEHP)	
	Di-n-octyl phthalate (DNOP)	
Formaldehyde, mg/m <sup>3</sup>		≤0,1
formamit, mg/kg		≤100
Biphenyl (PBB) ,mg/kg		≤1000
Ete diphenyl polybrominated (PBDE), mg/kg		≤1000
Sàn PVC có bổ sung chất chống cháy		

- Quy định về thử nghiệm giới hạn phát thải chất độc hại đối với thảm, lớp đệm thảm và chất kết dính dùng để lát thảm

Thảm và tấm lót thảm phải tuân theo quy định của GB/T 35457.

Các chất kết dính thảm để lát phải được lấy mẫu theo quy định của GB/T 20740 và các mẫu phải được chuẩn bị theo quy định tại Phụ lục A của GB/T 42898-2023 (lượng lớp phủ ít nhất là 100 g/m<sup>2</sup>) hoặc theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Việc lấy mẫu styren, 4-phenylcyclohexene, hydroxytoluene butylat hóa, 2-ethylhexanol và TVOC được thực hiện theo ISO 16000-6, với tốc độ dòng thu là 200 ml/phút và thể tích thu là 3 L.

Việc lấy mẫu formaldehyd được thực hiện theo quy định ISO 16000-3, với tốc độ dòng thu là 800 ml/phút và thể tích thu là 12 L. 5.1.4 Phân tích khí

Việc phân tích styren, 4-phenylcyclohexene, butylhydroxytoluene, 2-ethylhexanol và TVOC trong các mẫu khí GB18587-××××5 phải được thực hiện theo ISO16000-6 và việc phân tích formaldehyde phải được thực hiện theo ISO quy định 16000-3 được thi hành.

Theo kết quả phân tích của thử nghiệm giải phóng mẫu, lượng giải phóng diện tích riêng (SERa) của VOC<sub>i</sub> được tính theo công thức sau:

$$SERa=C_i \times L/N$$

Trong công thức:

SERa - lượng giải phóng diện tích cụ thể, tính bằng microgam trên mét vuông giờ (μg/m<sup>2</sup>·h);

C<sub>i</sub> - nồng độ khối lượng của VOC<sub>i</sub> trong cabin phát hiện khí thải, tính bằng microgam trên mét khối (μg/m<sup>3</sup>); N - tốc độ trao đổi không khí của cabin phát hiện, tính bằng đơn vị thay đổi mỗi giờ (1/h);

L- hệ số tải sản phẩm, đơn vị là mét vuông trên mét khối (m<sup>2</sup>/m<sup>3</sup>).

Trong công thức:

SERa - lượng giải phóng diện tích cụ thể, tính bằng microgam trên mét vuông giờ (μg/m<sup>2</sup>·h);

C<sub>i</sub> - nồng độ khối lượng của VOC<sub>i</sub> trong cabin phát hiện khí thải, tính bằng microgam trên mét khối (μg/m<sup>3</sup>); N - tốc độ trao đổi không khí của cabin phát hiện, tính bằng đơn vị thay đổi mỗi giờ (1/h);

L—hệ số tải sản phẩm, đơn vị là mét vuông trên mét khối (m<sup>2</sup>/m<sup>3</sup>).

+ Giới hạn các chất có hại trong sàn PVC:

Tất cả các mẫu được sử dụng để thử nghiệm phải được cắt cách mép mẫu ít nhất 50mm.

Hàm lượng monome vinyl clorua thực hiện theo quy định của GB/T 4615.

+ *Hàm lượng kim loại nặng:*

Chì và cadmium kim loại nặng phải được xử lý theo quy định của GB/T 39560.5; crom hóa trị sáu phải được xử lý theo quy định của GB/T 39560.702; thủy ngân phải được xử lý theo quy định của GB/T 39560.4.

GB18587—××××65.2.5 Tổng lượng phthalate

Thực hiện theo quy định của GB/T 22048.

Xác định hàm lượng formaldehyde giải phóng- Thực hiện theo quy định của GB 18580.

Hàm lượng formamit- Thực hiện theo quy định của GB/T 34842.

- Hàm lượng biphenyl polybrom hóa- Thực hiện theo quy định của GB/T 39560.6.

- Hàm lượng ete diphenyl polybrom hóa- Thực hiện theo quy định của GB/T 39560.6.

***7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc tăng nhập khẩu vật liệu phủ sàn (mã HS 391810) từ Việt Nam, giảm nhập khẩu thảm (mã HS 57)***

Ván sàn nhựa PVC là một loại vật liệu xây dựng phổ biến trong ngành công nghiệp xây dựng hiện nay. Với thiết kế linh hoạt, nhiều mẫu mã, màu sắc và kiểu dáng khác nhau, sàn nhựa giúp tạo ra không gian nội thất hấp dẫn và sang trọng nên rất được ưa thích tại thị trường Trung Quốc. Mặc dù là quốc gia có ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm nhựa phát triển, nhưng Trung Quốc cũng nhập khẩu sàn nhựa PVC. Theo thống kê của ITC, trong 7 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu sàn nhựa mã HS 391810 của Trung Quốc đạt 32,3 triệu USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2023 do thị trường bất động sản nước này khó khăn kéo dài.

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý là trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc đang tăng mạnh nhập khẩu vật liệu phủ sàn mã HS 391810 từ Việt Nam. Theo đó, tháng 7/2024, Việt Nam trở thành thị trường cung cấp vật liệu phủ sàn mã HS 391810 lớn nhất cho Trung Quốc, đạt 1,88 triệu USD, tăng rất mạnh so với tháng 7/2023. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu vật liệu phủ sàn mã HS 391810 của Trung Quốc đạt 3,7 triệu USD, tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần nhóm sản phẩm này của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 0,3% trong 7 tháng đầu năm 2023 lên 11,5% trong 7 tháng đầu năm 2024.

**Thị trường cung cấp vật liệu phủ sàn (mã HS 391810) cho Trung Quốc  
tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	Tháng 7/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2023 (%)
<b>Tổng</b>	<b>5.394</b>	<b>-46,9</b>	<b>32.325</b>	<b>-2,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Việt Nam	1.881	23.412,5	3.718	4.326,2	11,5	0,3
Pháp	788	48,4	4.988	46,5	15,4	10,3
Hàn Quốc	730	-52,6	5.679	-44,8	17,6	31,2
Thụy Sĩ	353	-18,7	1.342	140,1	4,2	1,7
Nhật Bản	276	-77,2	2.509	5,1	7,8	7,2
Thụy Điển	239	49,4	861	-7,5	2,7	2,8
Đức	232	300,0	2.142	72,7	6,6	3,8
Mỹ	223	-18,0	2.221	-12,6	6,9	7,7
Hà Lan	198	41,4	1.171	-22,2	3,6	4,6
Australia	179		620	1.489,7	1,9	0,1
Anh	117	64,8	1.345	25,5	4,2	3,2
Trung Quốc	82	-98,5	5.109	-32,4	15,8	22,9
Bỉ	67	109,4	114	-54,8	0,4	0,8
Hungary	7	75,0	8	100,0	0,0	0,0
Romania	7	-90,3	7	-90,8	0,0	0,2
Thái Lan	6		44	100,0	0,1	0,1
Italia	3	-83,3	48	-88,9	0,1	1,3
Hồng Kông	1		1		0,0	0,0
Malaysia	1		75	1.775,0	0,2	0,0
Ba Lan	1	0,0	73	7.200,0	0,2	0,0

*Nguồn: ITC*

Trong khi đó, với mặt hàng thảm, Trung Quốc lại giảm nhập khẩu từ Việt Nam. Theo số liệu thống kê của ITC, trong 7 tháng đầu năm 2024, nhập khẩu thảm của Trung Quốc từ Việt Nam giảm 30,6%, đưa Việt Nam từ vị trí thị trường cung cấp thảm lớn thứ 12 cho Trung Quốc trong 7 tháng đầu năm 2023 xuống vị trí thứ 20. Tỷ trọng mặt hàng thảm của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 1,6% trong 7 tháng đầu năm 2023 xuống còn 1,1% trong 7 tháng đầu năm 2024.

Trong 7 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu thảm của Trung Quốc đạt 51,5 triệu USD, tăng 0,1% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, Trung Quốc tăng nhập khẩu thảm từ Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Bỉ, Đan Mạch, Đan Mạch, Ailen..., trong khi giảm nhập khẩu từ Nhật Bản, Mỹ, Italia, Đức, Ai Cập...

**Thị trường cung cấp thảm (mã HS 57) cho Trung Quốc  
7 tháng đầu năm 2024**

Thị trường	Tháng 7/2024 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2024 (%)	7 tháng năm 2024 (Nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2024 (%)	Tỷ trọng 7 tháng năm 2023 (%)
<b>Tổng</b>	<b>7.831</b>	<b>-10,0</b>	<b>51.526</b>	<b>0,1</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ấn Độ	1.998	-0,2	12.165	30,9	23,6	18,1
Thổ Nhĩ Kỳ	1.241	135,5	6.778	43,5	13,2	9,2
Nhật Bản	650	-63,1	3.713	-38,4	7,2	11,7
Mỹ	446	15,5	3.090	-17,3	6,0	7,3
Bỉ	133	-59,8	2.355	14,0	4,6	4,0
Italia	319	29,1	2.149	-3,2	4,2	4,3
Đan Mạch	172	5.633,3	2.086	2.507,5	4,0	0,2
Đức	291	-62,2	2.060	-23,7	4,0	5,2
Ai Cập	227	-62,1	1.665	-35,0	3,2	5,0
Ai len	778	5.457,1	1.585	1.119,2	3,1	0,3
Hà Lan	179	-42,6	1.485	52,0	2,9	1,9
Nepal	128	-51,3	1.397	-29,4	2,7	3,8
Iran	124	-33,7	1.172	102,1	2,3	1,1
Thái Lan	29	-62,3	1.032	57,3	2,0	1,3
Thụy Sĩ	206	87,3	999	230,8	1,9	0,6
Đài Loan	79	-41,0	972	38,7	1,9	1,4
Pháp	90	275,0	846	163,6	1,6	0,6
UAE	18		789	2.365,6	1,5	0,1
Hàn Quốc	55	323,1	628	85,3	1,2	0,7
Việt Nam	77	-55,7	569	-30,6	1,1	1,6

*Nguồn: ITC*

*Ngọc Diệp (VITIC) thực hiện*

Ngày 28/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 165/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương giai đoạn đến năm 2030. Đề án đặt mục tiêu tái cơ cấu ngành Công Thương nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh; Tạo lập các động lực tăng trưởng mới gắn với chuyển biến về chất mô hình tăng trưởng của ngành Công Thương cùng một mô hình quản trị nhà nước năng động, hiệu quả, hiện đại và có tính thích ứng cao để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh và bền vững;

Một trong những định hướng chiến lược của Đề án là nâng cao khả năng đáp ứng quy định, tiêu chuẩn cao về chất lượng của các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các bon thấp, lao động và công đoàn.

